

Bản án số: 60/2023/DS-ST
Ngày: 14-04-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật.
2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BK, tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Hà Q, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 134A/4, tổ 1A, đường N, khóm B3, phường BK, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh 1973.

Hộ khẩu thường trú: số 1060/53, đường V, khóm B6, phường BK, thành phố L, tỉnh A.

Địa chỉ hiện đang sinh sống: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 27/06/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Hà Q trình bày:

Ngày 29/08/2019, ông Nguyễn Hoàng T ký biên nhận vay của ông Q số tiền

61.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, mục đích ông T vay tiền để mua đất ruộng trên huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, thời hạn cho vay 05 ngày, sau khi hết hạn cho vay ông T sẽ hoàn trả lại đầy đủ tiền vốn và lãi cho ông Q. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông T không thực như thỏa thuận, ông Q nhiều lần liên lạc và gặp trực tiếp ông T yêu cầu trả tiền vốn, lãi nhưng ông T cố tình né tránh. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng T trả cho ông Q số tiền 61.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 29/08/2019 đến khi xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật và không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T trả số tiền vốn 61.000.000đ, về tiền lãi yêu cầu ông T trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm, nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận thì yêu cầu tính mức lãi suất theo quy định pháp luật, nhưng tính mức lãi suất 20%/năm cho tôi (Q).

Ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản tố tụng được tổng đạt trực tiếp cho nguyên đơn. Riêng bị đơn do vắng mặt tại thời điểm tổng đạt nên Tòa án có thực hiện niêm yết theo quy định tại các Điều 171, 175, 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa xác định:

Đối với số tiền gốc: Ngày 29/08/2019 ông Hoàng Hà Q cho ông Nguyễn Hoàng T vay số tiền 61.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 0,2%/ngày, hạn 5 ngày sau trả vốn và lãi, mục đích vay tiền để ông T mua đất ruộng tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Ông Q căn cứ vào biên nhận nợ ngày 29/08/2019, có chữ ký của ông T thể hiện ông T có vay 61.000.000đ của ông Q như ý kiến trình bày của ông Q. Mặt khác, phía ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Do ông T chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc nên ông Q yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền 61.000.000đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Về tiền lãi: Theo biên nhận nợ, các bên không thể hiện khi cho vay có thỏa thuận lãi suất, chỉ xác nhận “... hạn 5 ngày sau tôi sẽ hoàn trả lại đầy đủ ...” nguyên đơn không cung cấp văn bản thể hiện khi vay có thỏa thuận lãi suất, chỉ trình bày lãi suất 0,2%/ngày nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 “... chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật quy định ...”, nên không có căn cứ để buộc bị đơn trả tiền lãi từ ngày 29/08/2019 và xác định thỏa thuận trên là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi. Tuy nhiên, hai bên đã thỏa thuận là sau 5 ngày sẽ trả lại số tiền nợ gốc nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 04/09/2019 nên bị đơn có nghĩa vụ chịu lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc với mức lãi suất do hai bên không có thỏa thuận là 10%/năm theo quy định tại các Điều 357, khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 479 Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông ông Q, buộc ông T trả số tiền vốn gốc 61.000.000đ và tiền lãi suất 10%/năm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc từ ngày 04/09/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Hà Q có mặt, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các thông báo cho các đương sự theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại

phiên tòa ông T không đến Tòa và vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng nơi cư trú của ông T theo địa chỉ nguyên đơn do cung cấp và được Công an phường BK, thành phố L xác nhận: “ Ông Nguyễn Hoàng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 1060/53, khóm BK6, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG ” và theo Tờ tường trình ngày 05/10/2022 của ông Hoàng Hà Q có xác nhận của ấp A, xã B, huyện C, tỉnh AG ngày 05/10/2022, 07/12/2022; xác nhận của Công an xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 07/12/2022, trong cùng văn bản xác định ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1973 hiện đang sinh sống tại hộ bà: Nguyễn Thị V, ngụ ấp P2, xã BH, huyện C, tỉnh AG. Việc ông T đi nơi khác nhưng không thông báo cho ông Q biết là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và xét yêu cầu của ông Q phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài.

[4] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy theo biên nhận nợ ngày 29/08/2019 ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1973, chứng minh nhân dân số 351037374 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 03/04/2013; Địa chỉ: số 1060/53 đường Nguyễn Trường Toản (Võ Trường Toản), khóm Bình Khánh 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang có vay của ông Hoàng Hà Q. Địa chỉ: số 134A/4 tổ 1C, khóm B3, phường BK, thành phố L, tỉnh AG với số tiền là 61.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận (hẹn) trong thời gian 05 ngày hoàn trả đầy đủ tiền vốn, lãi nếu không thực hiện sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông Q khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền vốn vay 61.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Hội đồng xét xử nhận định về vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ, lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy biên nhận nợ ngày 29/08/2019, ông T ký tên, ghi rõ họ tên có vay 61.000.000đ của ông Q, thời hạn vay 05 ngày, không lãi suất. Ông Q đã tìm cách liên hệ ông T để giải quyết số nợ 61.000.000đ nhưng ông T vắng mặt. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không lãi suất. Phía ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên ông T có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền vốn 61.000.000đ. Xét biên nhận nợ ngày 29/08/2019 thuộc trường hợp khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không cần phải chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các thông báo, quyết định theo

quy định pháp luật cho ông T thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự để bảo vệ quyền lợi của ông T, nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với ý kiến yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do ông Q cung cấp nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với ông T, buộc ông T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 61.000.000đ.

[6] Về tiền lãi: Xét biên nhận nợ ngày 29/08/2019 trong đó thể hiện các đương sự thỏa thuận vay không lãi suất, có thời hạn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 xem xét về tiền lãi chậm trả từ ngày 04/09/2019 đến ngày 14/04/2023 được tính: 61.000.000đ x 0,83%/tháng x 43 tháng 10 ngày = 21.939.660đ.

[7] Tổng số tiền vốn, lãi được: 61.000.000đ + 21.939.660đ = 82.939.660đ. Tại phiên tòa ông Q tự nguyện giảm số tiền 939.660đ, số tiền ông Q yêu cầu ông T có trách nhiệm trả là 82.000.000đ. Việc tự nguyện giảm số tiền lãi của ông Q là có lợi cho ông T, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền ông T có trách nhiệm trả cho ông Q 82.000.000đ. Trong đó, tiền vốn 61.000.000đ, tiền lãi 21.000.000đ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận nên áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông T nộp 4.100.000đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ông Q được nhận lại số tiền 1.525.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0001591, ngày 11/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, 466, 468, 470, 357 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hà Q đối với ông Nguyễn Hoàng T. Buộc ông Nguyễn Hoàng T trả cho ông Hoàng Hà Q số tiền 82.000.000đ

(tám mươi hai triệu đồng). Trong đó, tiền vốn 61.000.000đ, tiền lãi 21.000.000đ (tạm tính đến ngày 14/04/2023).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hà Q đối với ông Nguyễn Hoàng T về yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 29 tháng 08 năm 2019 đến khi xét xử vụ án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Hoàng Hà Q số tiền 1.525.000đ (Một triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001591 ngày 11 tháng 08 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu số tiền 4.100.000 tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Hoàng Hà Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hoàng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương

